

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2023

Số: 15/2023/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1983

Nơi ĐKKHKT: Tổ 23, khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện nay đang tạm trú: Số 4, tổ 8, ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Trần Minh T2, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Tổ 23, khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Minh T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Nay giữa chị Nguyễn Thị T1 đồng ý giao con chung là cháu Trần Thảo Vy, sinh ngày 24/9/2006, cho anh Trần Minh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi: Anh Trần Minh T2 không yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Thảo V, sinh ngày 24/9/2006, nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trần Thảo V, sinh ngày 24/9/2006 mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Minh T2 thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.3. Về nợ phải thu + Nợ phải trả: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Minh T2 thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện nộp: 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^d mà chị Nguyễn Thị T1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013026, ngày 25/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (300.000^d – 150.000^d = 150.000^d). Nên chị Nguyễn Thị T1 được nhận lại số tiền chênh lệch là: 150.000^d tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 01;
- Chi cục Thi hành án DS thị xã Bình Minh: 01;
- UBND phường Đông Thuận, TX Bình Minh;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương